

Tân Tạo, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

NĂM HỌC: 2022-2023

(từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023)

THEO THÔNG TƯ SỐ 36/2017/TT-BGDĐT

1. Thực hiện các khoản thu:

Thực hiện theo: Công văn số 2987/SGDDT-KHTC ngày 23/08/2022 của Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và

Công văn số 1933/GDDT ngày 11/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân Về khung mức thu thỏa thuận năm học 2022-2023.

2. Các khoản chi trong năm học:

2.1. Chi lương và các khoản chi cho con người khác:

– Chi ngân sách: 11.424.401.992 đồng:

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Lương theo ngạch, bậc	1.341.182.151	2.764.206.101	4.105.388.252
Phụ cấp chức vụ	18.178.004	36.356.005	54.534.009
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	185.388.040	256.139.256	441.527.296
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.192.000	2.384.000	3.576.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	388.338.385	790.173.536	1.178.511.921
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.980.000	16.688.000	19.668.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	155.405.570	340.438.256	495.843.826
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	16.688.000	13.559.000	30.247.000
Bảo hiểm xã hội	257.748.211	532.837.919	790.586.130
Bảo hiểm y tế	45.484.978	94.030.224	139.515.202
Kinh phí công đoàn	30.323.318	62.686.812	93.010.130
Bảo hiểm thất nghiệp	15.161.659	31.343.407	46.505.066
Các khoản đóng góp khác	7.580.831	15.671.707	23.252.538
Chi khác	790.359.984	3.211.876.638	4.002.236.622
Tổng cộng	3.256.011.131	8.168.390.861	11.424.401.992

– Chi từ quỹ: 1.811.563.830 đồng:

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Chi từ nguồn quỹ phúc lợi	14.800.000	466.650.000	481.450.000
Chi từ nguồn quỹ khen thưởng		207.293.000	207.293.000
Chi từ nguồn quỹ bổ sung thu nhập	241.178.284	881.642.546	1.122.820.830
Tổng cộng	255.978.284	1.555.585.546	1.811.563.830

– Chi từ nguồn thu: 1.930.097.963 đồng:

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Học phí	264.734.033	280.397.100	545.131.133
Buổi 2	86.100.000	105.400.000	191.500.000
Tiếng anh tăng cường	99.970.000	93.100.000	193.070.000
Tiếng anh bản ngữ	42.140.000	19.250.000	61.390.000
Quản lí bán trú	453.030.000	485.976.830	939.006.830
Tổng cộng	945.974.033	984.123.930	1.930.097.963

– Chi từ nguồn cải cách tiền lương:

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Nguồn cải cách tiền lương	971.157.610	531.807.579	1.502.965.189
Tổng cộng	971.157.610	531.807.579	1.502.965.189

2.2. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn và các hoạt động chuyên môn khác:

Tổng chi: 8.078.087.300 đồng

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Chi từ ngân sách	7.695.000	7.140.800	14.835.800
Chi từ nguồn thu	7.073.796.000	947.455.500	8.021.251.500
Chi từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	8.000.000	34.000.000	42.000.000
Tổng cộng	7.089.491.000	988.596.300	8.078.087.300

2.3. Chi hội họp, hội thảo:

Tổng chi: 0 đ.

2.4. Chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài:

Tổng chi: 0 đ.

2.5. Chi đầu tư, xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị:

Tổng chi: 450.494.232 đồng

Nội dung	Tháng 9 đến tháng 12 năm 2022	Tháng 01 đến tháng 8 năm 2023	Tổng cộng
Chi từ ngân sách	-	-	-
Chi từ nguồn thu	221.637.482	161.098.000	382.735.482
Chi từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	67.758.750	-	67.758.750
Tổng cộng	289.396.232	161.098.000	450.494.232

3. Thu nhập hàng tháng của CB, NV, GV nhà trường:

Tổng các khoản thu nhập của CB, NV, GV NH 2022-2023 là: 15.007.834.719 đồng

Số lượng người được trả thu nhập là: 72 người.

Thu nhập bình quân hàng tháng: 17.370.179 đồng/người/tháng.

10 người có thu nhập cao nhất:

STT	Họ và tên	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	424.944.090
3	Đỗ Thị Ngọc Hương	398.722.768
4	Lê Thị Thanh Trang	372.253.082
5	Nguyễn Kim Đào	361.282.238
2	Lê Thị Ngọc Mai	354.872.349
7	Nguyễn Đặng Thùy Ngân	311.537.241
9	Phạm Thị Thu Thảo	297.231.538
8	Kiều Thị Thanh Thảo	293.925.566
6	Hồ Thị Kim Dung	289.967.662
10	Lê Ngọc Ái Minh	288.147.225

10 người có thu nhập thấp nhất:

STT	Họ và tên	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Thị Hoa	112.308.469
3	Trần Thanh Bình	114.788.267
4	Ngô Thái Hào	126.245.008
5	Vũ Thị Thu Thảo	130.946.569
2	Traàn Thị Thanh Hà	133.439.080
7	Trần Thanh Hằng	137.054.621
9	Nguyễn Thị Thùy Dương	153.637.870
8	Nguyễn Thị Ngọc Thu	157.600.702
6	Nguyễn Thu Trang	158.931.802
10	Lưu Hoàng Hải	164.297.823

4. Kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí:

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Công văn số 2987/SGDDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính về hướng dẫn thu sử dụng học phí và thu khác, thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023

4.1. Miễn giảm theo diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh hòa nhập, khuyết tật:

- Số học sinh được miễn 100% tiền học phí và tiền tổ chức dạy buổi 2: 05 học sinh.
- Số học sinh được giảm 50% tiền học phí và tiền tổ chức dạy buổi 2: 01 học sinh.
- Số tiền học phí được miễn, giảm: 2.970.000 đồng
- Số tiền tổ chức dạy buổi 2 được miễn, giảm: 5.940.000 đồng

4.2. Miễn học phí theo diện dân tộc Chăm, Khmer:

- Số học sinh được miễn tiền học phí: 06 học sinh.
- Số tiền học phí được miễn: 3.240.000 đồng

4.3. Hỗ trợ chi phí học tập:

- Số học sinh thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập: 05 học sinh. Tổng số tiền hỗ trợ: 6.750.000 đồng.

Phụ trách kế toán



Hoàng Thị Ngân

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hồng Châu